



**HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**  
**KHOA ĐÀO TẠO QUỐC TẾ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN**  
**CHẤT LƯỢNG CAO BẰNG TIẾNG ANH**

**NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**  
**CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐƯỢC XÂY DỰNG DỰA TRÊN SỰ THAM KHẢO CỦA ĐẠI**  
**HỌC PURDUE – HOA KỲ**  
**HÀ NỘI - 2017**

## **1. Mục tiêu đào tạo :**

### **1.1. Mục tiêu chung**

Ngành Tài chính – Ngân hàng là một trong hai ngành trong hệ đào tạo Chất lượng cao của Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Cử nhân tốt nghiệp chương trình Chất lượng cao, ngành Tài chính - Ngân hàng có phẩm chất đạo đức tốt, được trang bị kiến thức cơ bản về chính trị - kinh tế - xã hội và những kiến thức chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng, có trình độ ngoại ngữ tốt, có khả năng sử dụng thuần thục Tiếng Anh trong các giao tiếp hàng ngày và công việc chuyên môn.

Các kỹ năng để thực hiện tốt công việc của chuyên viên như: phân tích, lập kế hoạch, làm việc nhóm, tổ chức triển khai nhiệm vụ, kỹ năng đàm phán, giao tiếp cũng được chú trọng để sinh viên tốt nghiệp sớm hòa nhập với đơn vị tuyển dụng.

### **1.2. Tiêu chí xây dựng chương trình**

*Về kiến thức:* Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản và hiện đại về Tài chính - Ngân hàng - Tiền tệ dựa trên các khía cạnh:

- + Khía cạnh vi mô: Hiểu về tài chính ở tầm vi mô, nắm vững các kiến thức về kế toán, quản lý tài chính doanh nghiệp, quản lý tài chính cá nhân và hộ gia đình.
- + Khía cạnh vĩ mô: Hiểu về tài chính ở tầm vĩ mô, nắm vững các kiến thức về mối liên hệ giữa kinh tế vĩ mô và tài chính, rủi ro hệ thống, ảnh hưởng của lạm phát, tỷ giá và các biến số vĩ mô khác đến các hoạt động tài chính, quản lý tài chính công, quản lý ngân sách.
- + Khía cạnh đầu tư tài chính: Hiểu về rủi ro và các nguyên lý đầu tư nhằm tối đa hóa lợi nhuận và hạn chế rủi ro. Hiểu về các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro.
- + Hiểu về một số nghiệp vụ cơ bản trong tài chính (thuế, hải quan v.v.v).
- + Được trang bị một số kiến thức căn bản về các công cụ định lượng, kiến thức về kinh doanh và quản trị nói chung.

*Về kỹ năng:* Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; có phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo. Được trang bị phương pháp và kỹ năng tự nghiên cứu để nâng cao trình độ ở các cấp học cao hơn và đáp ứng các công việc chuyên sâu khi đơn vị tuyển dụng yêu cầu.

*Về thái độ:* Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động, sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

## **2. Chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo được thiết kế nhằm đạt được các mục tiêu sau:

- + Tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- + Trang bị cho sinh viên các kiến thức được đề cập đến trong mục tiêu đào tạo. Sinh viên khi ra trường có thể làm cho khu vực công, khu vực tư và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
- + Tham khảo chương trình đào tạo ngành Tài chính của Purdue University và một số chương trình đào tạo Chất lượng cao/Tiên tiến khác ở Việt Nam.
- + Đảm bảo khả năng học chuyển tiếp 2+2 (2 năm ở APD, 2 năm ở Purdue University và nhận bằng của Purdue University) đối với các sinh viên có nhu cầu.
- + Đảm bảo khả năng học chuyển tiếp 3+1 (3 năm ở APD, 1 năm ở Middlesex University và nhận bằng của Middlesex University) đối với các sinh viên có nhu cầu.
- + Đảm bảo khả năng ứng tuyển vào các chương trình thạc sỹ/tiến sỹ ngành Tài chính – Ngân hàng hoặc các ngành có liên quan khác ở trong và ngoài nước.

### 3. Nơi làm việc sau khi ra trường

Cử nhân tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng có thể làm việc tại:

- + Khối/ban tài chính – kế toán của các doanh nghiệp.
- + Ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác.
- + Công ty chứng khoán, công ty tài chính, quỹ đầu tư.
- + Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (bộ phận tài chính - kế toán của các doanh nghiệp FDI, ngân hàng nước ngoài, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư nước ngoài).
- + Cơ quan quản lý tài chính cấp Trung ương hoặc địa phương.
- + Các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức tài chính quốc tế (World Bank, ADB, IMF).

### 4. Thông tin chung về chương trình

**Thời gian đào tạo:** 4 năm.

**Khối lượng kiến thức:** 161 tín chỉ.

**Khối lượng kiến thức không bao gồm Giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và ngoại ngữ:** 124 tín chỉ.

## KHUNG CHƯƠNG TRÌNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

STT	Môn học	TC
	<b>Giáo dục đại cương</b>	<b>57</b>
1	Physical Education Giáo dục thể chất	5
2	Defence Training Giáo dục quốc phòng	8
3	Principles of Marxism – Leninism 1 Nguyên lý Mac - Lenin 1	3
4	Principles of Marxism – Leninism 2 Nguyên lý Mac - Lenin 2	3
5	Revolutionary Policy of the Vietnam Communist Party Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
6	Ho Chi Minh Ideology Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
7	Advanced Mathematics – 1 Toán cao cấp 1	3
8	Advanced Mathematics – 2 Toán cao cấp 2	3
9	Introduction to Business Giới thiệu về kinh doanh	3
10	General Computer Skills Tin học đại cương	3
11	Introduction to Microeconomics Kinh tế Vi mô	3
12	Introduction to Macroeconomics Kinh tế vĩ mô	3
13	Probability and Mathematical Statistics Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
14	Principles of Information System Nguyên lý hệ thống thông tin	3
15	Public Relations (Business and Professional Speaking) Quan hệ công chúng	3
16	Introduction to Organizational Behavior Giới thiệu về hành vi tổ chức	3
17	Research Methodology Phương pháp nghiên cứu khoa học	2

	<b>Cơ sở ngành</b>	<b>64</b>
	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>52</b>
18	IELTS 1.1 (10 hours per week) IELTS 1.1 (10 tiếng một tuần)	6
19	IELTS 1.2 (10 hours per week) IELTS 1.2 (10 tiếng một tuần)	6
20	IELTS 1.3 (10 hours per week) IELTS 1.3 (10 tiếng một tuần)	6
21	IELTS 1.4 (10 hours per week) IELTS 1.4 (10 tiếng một tuần)	6
22	Principles of Marketing Marketing căn bản	3
23	Principles of Accounting Nguyên lý kế toán	3
24	Financial Accounting Kế toán tài chính	3
25	Economic Geography Địa lý kinh tế	3
26	Legal Foundation of Business Pháp luật kinh tế	4
27	International Business Kinh doanh quốc tế	3
28	Money, Banking and Financial Markets Tài chính tiền tệ	3
29	Corporate Finance Tài chính doanh nghiệp	3
30	Principles of Investments Nguyên lý đầu tư	3
	<b>Các học phần tự chọn</b> <b>Sinh viên chọn 4 trong số 8 môn học</b>	<b>12</b>
31	Econometrics Kinh tế lượng	3
32	Financial Mathematics Toán tài chính	3
33	Principles of Insurance Nguyên lý Bảo hiểm	3
34	Real Estate Principles Nguyên lý kinh doanh bất động sản	3
35	Strategic Management Quản trị chiến lược	3

36	Introduction to Management Quản trị học	3
37	Introduction to Macroeconomics 2 Kinh tế vĩ mô 2	3
38	Thuế Taxation	3
<b>Chuyên ngành</b>		<b>30</b>
<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>21</b>
39	International Finance Tài chính quốc tế	3
40	Stock Market Thị trường chứng khoán	3
41	Public Finance Management Quản lý tài chính công	3
42	Management of Financial Institution Quản trị Ngân hàng thương mại	3
43	Investment Project Appraisal Thẩm định đánh giá dự án đầu tư	3
44	Financial Statement Analysis Phân tích báo cáo tài chính	3
45	Financial Risk Management Quản trị rủi ro tài chính	3
<b>Các học phần tự chọn Sinh viên chọn 3 trong số 6 môn học</b>		<b>9</b>
46	Personal Finance Tài chính cá nhân	3
47	Behavioral Finance Tài chính hành vi	3
48	Asset Valuation Định giá tài sản	3
49	Portfolio Management Quản lý danh mục đầu tư	3
50	Future, Options and other Derivatives Thị trường phái sinh	3
51	Fixed-income Securities Chứng khoán có thu nhập cố định	3
<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>10</b>
52	Senior Thesis Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	<b>10</b>
<b>Tổng số tín chỉ</b>		<b>161</b>

**VÍ DỤ: KẾ HOẠCH HỌC TẬP THEO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG BỐN NĂM**

<b>STT</b>	<b>Môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>
<b>Năm thứ nhất</b>		<b>42</b>
<b>Kỳ I</b>		<b>17</b>
1	Physical Education 1 (30 hours) Giáo dục thể chất 1 (30 giờ)	1
2	Advanced Mathematics – 1 Toán cao cấp 1	3
3	Principles of Marxism – Leninism 1 Nguyên lý Mac - Lenin 1	3
4	IELTS 1.1 (10 hours per week) IELTS 1.1 (10 tiếng một tuần)	6
5	Legal Foundation of Business Pháp luật kinh tế	4
<b>Kỳ II</b>		<b>19</b>
6	Physical Education 2 (30 hours) Giáo dục thể chất 2 (30 giờ)	1
7	Advanced Mathematics – 2 Toán cao cấp 2	3
8	IELTS 1.2 (10 hours per week) IELTS 1.2 (10 tiếng một tuần)	6
9	Principles of Marxism – Leninism 2 Nguyên lý Mac - Lenin 2	3
10	Introduction to Business Giới thiệu về kinh doanh	3
11	General Computer Skills Tin học đại cương	3
<b>Kỳ Hè</b>		<b>6</b>
12	IELTS 1.3 (10 hours per week) IELTS 1.3 (10 tiếng một tuần)	6
<b>Năm thứ hai</b>		<b>48</b>
<b>Học kỳ I</b>		<b>19</b>
13	Physical Education 3 (30 hours) Giáo dục thể chất 3 (30 giờ)	1
14	IELTS 1.4 (10 hours per week) IELTS 1.4 (10 tiếng một tuần)	6

15	Introduction to Organizational Behavior Giới thiệu về hành vi tổ chức	3
16	Introduction to Microeconomics Kinh tế Vi mô	3
17	Principles of Accounting Nguyên lý kế toán	3
18	Revolutionary Policy of the Vietnam Communist Party Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
<b>Học kỳ II</b>		<b>19</b>
19	Physical Education 4 (30 hours) Giáo dục thể chất 4 (30 giờ)	1
20	Financial Accounting Kế toán tài chính	3
21	International Business Quản trị kinh doanh quốc tế	3
22	Economic Geography Địa lý kinh tế	3
23	Introduction to Macroeconomics Kinh tế vĩ mô	3
24	Principles of Marketing Marketing căn bản	3
25	Ho Chi Minh Ideology Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
<b>Học kỳ hè</b>		<b>10</b>
26	Physical Education 5 (30 hours) Giáo dục thể chất 5 (30 giờ)	1
27	Principles of Information Systems Nguyên lý hệ thống thông tin	3
28	Probability and Mathematical Statistics Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
29	Public Relations (Business and Professional Speaking) Quan hệ công chúng	3
<b>Năm thứ 3</b>		<b>43</b>
<b>Học kỳ I</b>		<b>17</b>
<b>Các môn học bắt buộc</b>		<b>11</b>
30	Public Finance Management Quản lý tài chính công	3
31	Money, Banking and Financial Markets Tài chính tiền tệ	3



32	Corporate Finance Tài chính doanh nghiệp	3
33	Rresearch Mehodology Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
	<b>Các môn học tự chọn Sinh viên chọn 2 trong 4 môn học</b>	<b>6</b>
34	Econometrics Kinh tế lượng	3
35	Financial Mathematics Toán tài chính	3
36	Strategic Management Quản trị chiến lược	3
37	Introduction to Management Quản trị học	3
	<b>Học kỳ II</b>	<b>18</b>
	<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>9</b>
38	Stock Market Thị trường chứng khoán	3
39	Management of Financial Institution Quản trị Ngân hàng thương mại	3
40	International Finance Tài chính quốc tế	3
	<b>Học phần tự chọn Sinh viên chọn 3 trong 6 môn học</b>	<b>9</b>
41	Introduction to Macroeconomics 2 Kinh tế vĩ mô 2	3
42	Taxation Thuế và hệ thống thuế	3
43	Personal Finance Tài chính cá nhân	3
44	Behavioral Finance Tài chính hành vi	3
45	Principles of Insurance Nguyên lý Bảo hiểm	3
46	Real Estate Principles Nguyên lý kinh doanh Bất động sản	3
	<b>Học kỳ hè</b>	<b>8</b>
47	Defence training Giáo dục quốc phòng	8
	<b>Năm thứ IV</b>	<b>28</b>

<b>Học kỳ I</b>		<b>18</b>
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>12</b>
48	Principles of Investments Nguyên lý đầu tư	3
49	Financial Statement Analysis Phân tích báo cáo tài chính	3
50	Financial Risk Management Quản trị rủi ro tài chính	3
51	Investment Project Appraisal Thẩm định đánh giá dự án đầu tư	3
<b>Học phần tự chọn Sinh viên chọn 2 trong số 4 môn học</b>		<b>6</b>
52	Định giá tài sản Asset valuation	3
53	Portfolio management Quản lý danh mục đầu tư	3
54	Future, Options and other Derivatives Thị trường phái sinh	3
55	Fixed-income Securities Chứng khoán có thu nhập cố định	3
<b>Học kỳ II</b>		<b>10</b>
56	Senior Thesis Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10
<b>Tổng số tín chỉ</b>		<b>161</b>